

Diễn biến tích cực trên thị trường chứng quyền

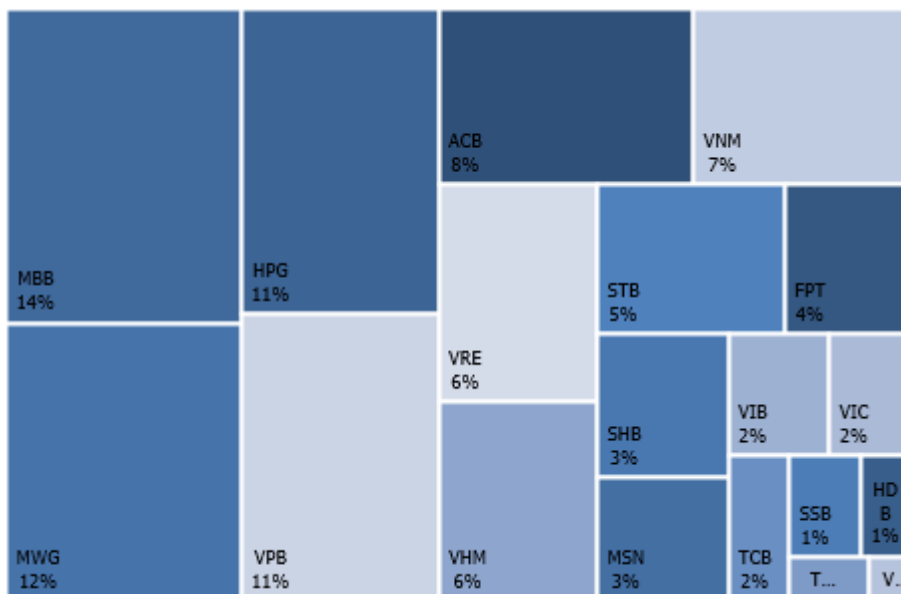
Trong tuần 8, mặc dù hoạt động giao dịch ghi nhận sự sụt giảm, song dòng tiền vẫn duy trì ở mức ổn định. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 236.3 triệu chứng quyền/163.1 tỷ đồng, giảm tương ứng 3.1% và 16.6% so với tuần liền trước. Bên cạnh đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 1.1 tỷ đồng.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, MBB và MWG là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 26% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như HPG, VPB, ACB và VNM.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CMWG2502 (+17.7%), CACB2403 (+8.2%), CVPB2407 (+6.1%) và CMBB2407 (+2.8%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CHPG2407 (-3.6%) và CSTB2402 (-1.6%).

Thị trường chứng quyền trong tuần vừa qua ghi nhận sự sụt giảm nhất định về khối lượng giao dịch, tuy nhiên thanh khoản tổng thể vẫn giữ ở mức ổn định. Bên cạnh đó, số lượng chứng quyền tăng giá cũng gia tăng nhanh chóng, hàm ý tâm lý lạc quan của nhà đầu tư. Nhờ vào sự kết hợp giữa dòng tiền duy trì ổn định và tốc độ tăng giá của chứng quyền, có thể mở ra khả năng duy trì đà tích cực cho thị trường chứng quyền trong thời gian tới.

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



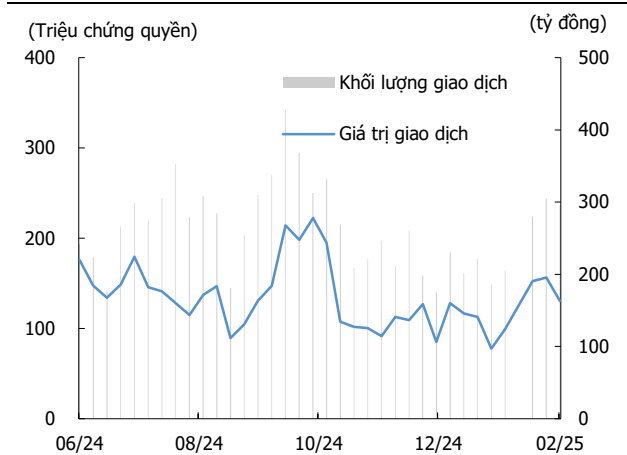
Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	170
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	236
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	163
CW tăng giá	57
CW giảm giá	59
CW tham chiếu	54

Nguồn: Fiinpro, KIS

Phòng phân tích
Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW

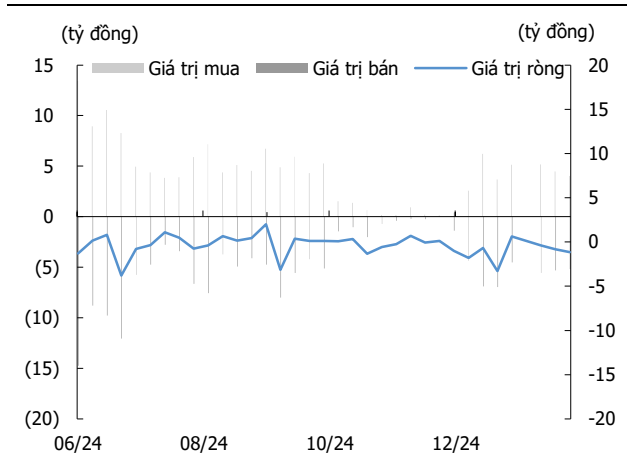
Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 2. Top 10 giá trị giao dịch

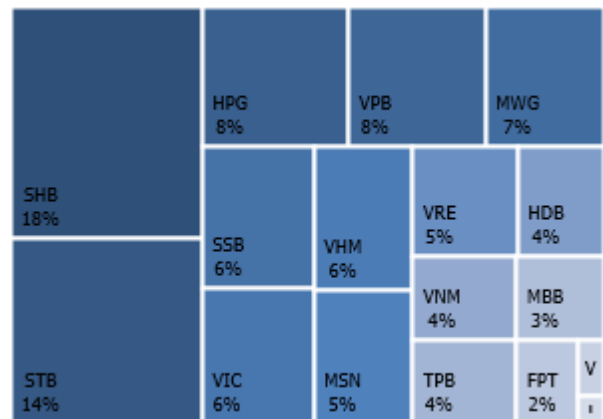
(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CMBB2407	31/10/2025	1,460	2.8	14.4
CMWG2502	22/05/2025	930	17.7	9.4
CMBB2402	19/05/2025	1,900	1.6	9.3
CMBB2405	24/07/2025	650	0.0	7.2
CACB2404	24/07/2025	760	5.6	7.0
CHPG2407	24/04/2025	530	(3.6)	6.8
CSTB2402	19/05/2025	3,100	(1.6)	6.0
CHPG2409	31/10/2025	1,360	(2.9)	4.4
CACB2403	24/04/2025	530	8.2	4.0
CVPB2407	24/07/2025	350	6.1	3.8

Nguồn: FiinPro, KIS

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại

Nguồn: FiinPro, KIS

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 3. Top 10 nước ngoài mua ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CMSN2408	26/06/2025	180	0.0	0.28	(0.18)	0.10
CHPG2412	26/06/2025	250	(3.8)	0.42	(0.33)	0.09
CMWG2410	26/06/2025	230	4.5	0.25	(0.20)	0.05
CFPT2407	26/06/2025	800	23.1	0.11	(0.07)	0.04
CHDB2401	26/03/2025	180	12.5	0.19	(0.16)	0.04
CVPB2412	26/06/2025	340	(5.6)	0.32	(0.29)	0.03
CVHM2411	26/06/2025	330	(5.7)	0.23	(0.20)	0.03
CVPB2409	31/10/2025	770	5.5	0.03	(0.00)	0.03
CVIC2407	26/06/2025	270	(15.6)	0.29	(0.27)	0.02
CVHM2408	31/10/2025	1,640	0.0	0.01	(0.00)	0.01

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 4. Top 10 nước ngoài bán ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CSTB2412	26/03/2025	500	(9.1)	0.16	(0.49)	(0.33)
CVNM2408	26/03/2025	50	(16.7)	0.04	(0.28)	(0.25)
CSTB2413	26/06/2025	950	(2.1)	0.24	(0.44)	(0.20)
CSSB2401	26/03/2025	130	(7.1)	0.21	(0.39)	(0.18)
CSHB2403	26/06/2025	300	0.0	0.32	(0.43)	(0.11)
CMWG2401	19/05/2025	1,260	1.6	0.00	(0.10)	(0.10)
CVRE2410	26/06/2025	140	(6.7)	0.15	(0.24)	(0.09)
CMBB2408	26/03/2025	150	(6.3)	0.02	(0.10)	(0.08)
CSHB2402	26/03/2025	200	0.0	0.41	(0.49)	(0.08)
CTPB2405	26/06/2025	310	(3.1)	0.08	(0.14)	(0.06)

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 5. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	117,026.4	30.0%	5	12.7	19,592,130.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	77,521.5	2.2%			
BID	BIDV	Tài chính	282,108.4	16.8%			
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	43,054.7	26.6%			
CTG	VietinBank	Tài chính	222,854.7	26.8%			
FPT	FPT Corp	CNTT	208,891.8	44.7%	11	8.0	8,471,200.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	160,238.8	1.7%			
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	129,600.0	0.4%			
HDB	HDBank	Tài chính	80,561.1	17.4%	2	0.4	2,247,500.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	169,180.8	21.6%	15	17.3	26,562,300.0
MBB	MBBank	Tài chính	139,742.0	23.2%	13	36.4	32,480,700.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	97,232.6	25.6%	9	2.8	7,154,300.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	84,912.2	44.6%	12	17.4	28,801,900.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	40,286.5	3.2%	4	2.9	8,254,600.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	55,424.3	0.2%	1	0.6	3,187,300.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	54,889.6	17.4%			
LPB	Ngân hàng Liên Việt	Tài chính	108,737.1	1.0%			
SAB	SABECO	TD thiết yếu	66,436.7	60.5%			
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	49,733.5	39.0%			
STB	Sacombank	Tài chính	73,240.6	22.7%	14	20.9	12,427,700.0
TCB	Techcombank	Tài chính	187,218.6	22.5%	8	6.2	3,901,430.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	44,913.3	30.0%	4	0.4	1,551,500.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	520,344.4	22.8%			
VHM	Vinhomes	Bất động sản	165,528.7	12.1%	11	5.6	13,904,200.0
VIB	VIBBank	Tài chính	61,370.0	5.0%	7	6.7	5,441,500.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	155,431.8	8.8%	4	2.4	4,444,900.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	52,319.7	13.0%	1	0.1	836,210.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	128,323.3	50.4%	26	6.3	16,788,847.0
VPB	VPBank	Tài chính	154,314.8	24.9%	12	9.9	24,986,900.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	39,197.5	17.7%	11	6.2	15,303,900.0

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, KIS

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 6. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CMBB2404	1.7377 : 1	1,400	1,500	MBB	20,418	22,972	23,000	(0.5)	10	04/03/2025
2	CMSN2401	8.0000 : 1	1,600	10	MSN	82,000	82,080	67,400	(17.9)	10	04/03/2025
3	CSTB2404	4.0000 : 1	1,100	1,890	STB	31,000	39,320	39,350	(1.1)	10	04/03/2025
4	CVHM2402	4.0000 : 1	1,400	190	VHM	41,500	42,340	40,150	(6.0)	10	04/03/2025
5	CVPB2403	2.0000 : 1	1,200	380	VPB	19,000	19,780	19,450	(2.8)	10	04/03/2025
6	CVRE2402	4.0000 : 1	1,000	10	VRE	23,500	23,540	17,250	(27.0)	10	04/03/2025
7	CHDB2401	3.3357 : 1	1,000	180	HDB	25,017	25,617	23,150	(10.6)	32	26/03/2025
8	CVRE2409	4.0000 : 1	1,000	110	VRE	19,999	20,439	17,250	(15.9)	32	26/03/2025
9	CMWG2409	10.0000 : 1	1,000	110	MWG	68,888	69,988	57,800	(19.2)	32	26/03/2025
10	CTCB2405	5.0000 : 1	1,000	370	TCB	26,868	28,718	26,500	(8.4)	32	26/03/2025
11	CVPB2411	2.0000 : 1	1,000	120	VPB	21,666	21,886	19,450	(12.2)	32	26/03/2025
12	CHPG2411	4.0000 : 1	1,000	80	HPG	29,999	30,679	27,800	(12.7)	32	26/03/2025
13	CSTB2412	4.0000 : 1	1,000	500	STB	38,686	41,046	39,350	(5.3)	32	26/03/2025
14	CTPB2404	4.0000 : 1	1,000	130	TPB	17,888	18,408	17,150	(7.5)	32	26/03/2025
15	CMBB2408	4.3443 : 1	1,000	150	MBB	24,134	24,699	23,000	(7.4)	32	26/03/2025
16	CMSN2407	10.0000 : 1	1,000	70	MSN	83,456	83,956	67,400	(19.7)	32	26/03/2025
17	CSSB2401	4.0000 : 1	1,000	130	SSB	19,999	20,479	19,250	(4.5)	32	26/03/2025
18	CFPT2406	24.8267 : 1	1,000	830	FPT	147,658	168,264	140,700	(15.2)	32	26/03/2025
19	CVHM2410	5.0000 : 1	1,000	80	VHM	47,999	48,349	40,150	(17.7)	32	26/03/2025
20	CSHB2402	2.0000 : 1	1,000	200	SHB	11,333	11,753	11,150	(6.3)	32	26/03/2025
21	CFPT2403	3.9723 : 1	5,100	4,970	FPT	134,064	153,926	140,700	(7.3)	63	24/04/2025
22	CMBB2406	3.4754 : 1	1,000	600	MBB	21,721	23,771	23,000	(3.8)	63	24/04/2025
23	CMWG2405	4.0000 : 1	2,500	440	MWG	66,000	67,680	57,800	(16.4)	63	24/04/2025
24	CSTB2408	4.0000 : 1	1,300	1,030	STB	36,000	40,600	39,350	(4.3)	63	24/04/2025
25	CVIB2405	2.0000 : 1	1,700	1,520	VIB	18,000	21,380	20,950	(3.6)	63	24/04/2025
26	CVIC2404	4.0000 : 1	1,700	500	VIC	43,000	44,800	40,450	(9.5)	63	24/04/2025
27	CVRE2405	2.0000 : 1	1,500	290	VRE	19,000	19,540	17,250	(12.1)	63	24/04/2025
28	CMSN2405	4.0000 : 1	3,100	340	MSN	79,000	80,240	67,400	(16.0)	63	24/04/2025
29	CVHM2407	4.0000 : 1	1,700	130	VHM	49,000	49,400	40,150	(19.4)	63	24/04/2025
30	CVNM2405	3.9689 : 1	2,500	230	VNM	67,472	68,425	62,000	(10.8)	63	24/04/2025
31	CVPB2408	2.0000 : 1	1,600	310	VPB	21,000	21,620	19,450	(11.1)	63	24/04/2025
32	CHPG2407	4.0000 : 1	1,100	530	HPG	26,000	28,920	27,800	(7.4)	63	24/04/2025
33	CSHB2401	2.0000 : 1	1,000	700	SHB	11,500	12,900	11,150	(14.7)	79	12/05/2025
34	CACB2405	4.0000 : 1	1,000	800	ACB	25,500	28,700	26,150	(9.5)	79	12/05/2025
35	CSTB2411	4.0000 : 1	1,600	1,840	STB	34,000	41,360	39,350	(6.0)	79	12/05/2025
36	CTPB2403	3.0000 : 1	1,000	780	TPB	17,500	19,840	17,150	(14.2)	79	12/05/2025
37	CVIB2408	4.0000 : 1	1,000	950	VIB	19,500	23,300	20,950	(11.5)	79	12/05/2025
38	CMWG2408	6.0000 : 1	1,500	630	MWG	65,000	68,780	57,800	(17.7)	79	12/05/2025
39	CHPG2402	2.7268 : 1	2,300	590	HPG	28,177	30,086	27,800	(11.0)	86	19/05/2025
40	CMBB2402	1.7003 : 1	2,000	1,900	MBB	20,403	23,702	23,000	(3.6)	86	19/05/2025
41	CMWG2401	3.9685 : 1	2,000	1,260	MWG	65,479	70,360	57,800	(19.6)	86	19/05/2025
42	CSTB2402	3.0000 : 1	1,800	3,100	STB	30,000	39,840	39,350	(2.4)	86	19/05/2025
43	CVIB2402	1.7096 : 1	2,000	750	VIB	20,515	21,951	20,950	(6.1)	86	19/05/2025
44	CVNM2401	7.6765 : 1	1,600	600	VNM	63,331	68,397	62,000	(10.8)	86	19/05/2025
45	CVPB2401	1.8990 : 1	1,300	600	VPB	19,939	21,173	19,450	(9.2)	86	19/05/2025

46	CVIB2501	2.0000 : 1	1,100	890	VIB	20,000	22,080	20,950	(6.7)	91	22/05/2025
47	CVHM2501	5.0000 : 1	1,100	580	VHM	42,000	44,800	40,150	(11.2)	91	22/05/2025
48	CVPB2503	2.0000 : 1	1,300	880	VPB	19,000	20,760	19,450	(7.4)	91	22/05/2025
49	CFPT2504	10.0000 : 1	1,800	590	FPT	160,000	165,200	140,700	(13.6)	91	22/05/2025
50	CMBB2502	1.7377 : 1	1,700	1,710	MBB	20,852	23,789	23,000	(3.9)	91	22/05/2025
51	CVNM2501	4.9612 : 1	1,700	490	VNM	64,495	67,075	62,000	(9.0)	91	22/05/2025
52	CVRE2502	2.0000 : 1	1,200	820	VRE	17,000	18,660	17,250	(7.9)	91	22/05/2025
53	CTCB2502	2.0000 : 1	1,700	1,890	TCB	24,000	27,760	26,500	(5.3)	91	22/05/2025
54	CHPG2503	2.0000 : 1	1,800	1,030	HPG	27,000	29,860	27,800	(10.3)	91	22/05/2025
55	CSTB2503	2.0000 : 1	2,400	2,630	STB	35,000	40,780	39,350	(4.7)	91	22/05/2025
56	CACB2504	2.0000 : 1	1,500	920	ACB	26,000	27,740	26,150	(6.4)	91	22/05/2025
57	CMWG2501	5.0000 : 1	2,300	960	MWG	62,000	66,800	57,800	(15.3)	122	24/06/2025
58	CSTB2501	3.0000 : 1	2,700	2,400	STB	33,500	40,850	39,350	(4.8)	122	24/06/2025
59	CMSN2501	8.0000 : 1	1,800	630	MSN	72,000	76,800	67,400	(12.2)	122	24/06/2025
60	CVRE2501	3.0000 : 1	1,200	540	VRE	18,000	19,620	17,250	(12.4)	122	24/06/2025
61	CSHB2501	2.0000 : 1	1,200	910	SHB	11,000	12,880	11,150	(14.5)	122	24/06/2025
62	CHPG2501	3.0000 : 1	2,100	1,070	HPG	25,500	29,610	27,800	(9.6)	122	24/06/2025
63	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
64	CFPT2407	24.8267 : 1	1,000	800	FPT	158,692	176,319	140,700	(19.1)	126	26/06/2025
65	CVHM2411	5.0000 : 1	1,000	330	VHM	50,555	52,205	40,150	(23.8)	126	26/06/2025
66	CSHB2403	2.0000 : 1	1,000	300	SHB	12,333	12,953	11,150	(15.0)	126	26/06/2025
67	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
68	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
69	CVRE2410	4.0000 : 1	1,000	140	VRE	21,888	22,608	17,250	(24.0)	126	26/06/2025
70	CSTB2413	4.0000 : 1	1,000	950	STB	39,679	43,559	39,350	(10.8)	126	26/06/2025
71	CMBB2409	4.3443 : 1	1,000	410	MBB	25,099	26,837	23,000	(14.8)	126	26/06/2025
72	CVPB2505	1.0000 : 1	1,850	1,000	VPB	21,000	22,000	19,450	(12.6)	126	26/06/2025
73	CVRE2504	1.0000 : 1	1,530	1,300	VRE	17,900	19,200	17,250	(10.5)	126	26/06/2025
74	CVIC2503	3.0000 : 1	1,220	1,020	VIC	42,600	45,660	40,450	(11.2)	126	26/06/2025
75	CMSN2504	4.0000 : 1	1,750	960	MSN	77,700	81,540	67,400	(17.3)	126	26/06/2025
76	CTPB2405	4.0000 : 1	1,000	310	TPB	18,999	20,319	17,150	(16.2)	126	26/06/2025
77	CHPG2412	4.0000 : 1	1,000	250	HPG	31,333	32,853	27,800	(18.5)	126	26/06/2025
78	CVPB2412	2.0000 : 1	1,000	340	VPB	22,777	23,457	19,450	(18.1)	126	26/06/2025
79	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
80	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
81	CVJC2501	6.0000 : 1	1,520	850	VJC	106,100	111,200	96,100	(12.9)	126	26/06/2025
82	CVIB2503	1.0000 : 1	2,030	2,030	VIB	21,200	23,230	20,950	(11.3)	126	26/06/2025
83	CHDB2501	2.0000 : 1	1,170	690	HDB	24,800	26,180	23,150	(12.5)	126	26/06/2025
84	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
85	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
86	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
87	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
88	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
89	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
90	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
91	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
92	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
93	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025

94	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
95	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
96	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
97	CVNM2505	4.0000 : 1	1,460	740	VNM	67,800	70,760	62,000	(13.7)	126	26/06/2025
98	CTPB2501	1.0000 : 1	1,600	1,600	TPB	17,700	19,300	17,150	(11.8)	126	26/06/2025
99	CMBB2506	1.7377 : 1	1,010	1,220	MBB	23,025	25,145	23,000	(9.1)	126	26/06/2025
100	CMSN2408	10.0000 : 1	1,000	180	MSN	85,678	87,578	67,400	(23.0)	126	26/06/2025
101	CTCB2406	5.0000 : 1	1,000	400	TCB	27,979	29,979	26,500	(12.3)	126	26/06/2025
102	CMWG2410	10.0000 : 1	1,000	230	MWG	70,777	73,077	57,800	(22.6)	126	26/06/2025
103	CMWG2506	3.0000 : 1	1,730	600	MWG	66,900	68,700	57,800	(17.6)	126	26/06/2025
104	CSTB2506	2.0000 : 1	1,710	1,710	STB	38,100	41,520	39,350	(6.4)	126	26/06/2025
105	CHPG2507	2.0000 : 1	1,520	800	HPG	29,600	31,540	27,800	(15.1)	126	26/06/2025
106	CTCB2505	2.0000 : 1	1,010	1,010	TCB	26,400	28,420	26,500	(7.5)	126	26/06/2025
107	CFPT2506	8.0000 : 1	1,580	980	FPT	164,000	171,840	140,700	(16.9)	126	26/06/2025
108	CVHM2504	2.0000 : 1	1,050	650	VHM	44,500	45,800	40,150	(13.1)	126	26/06/2025
109	CHPG2408	4.0000 : 1	1,200	720	HPG	27,000	30,640	27,800	(12.6)	154	24/07/2025
110	CMSN2404	4.0000 : 1	3,800	1,000	MSN	79,000	82,760	67,400	(18.5)	154	24/07/2025
111	CVHM2406	4.0000 : 1	2,000	420	VHM	50,000	51,600	40,150	(22.9)	154	24/07/2025
112	CVNM2406	3.9689 : 1	3,000	590	VNM	68,464	70,885	62,000	(13.9)	154	24/07/2025
113	CVPB2407	4.0000 : 1	1,000	350	VPB	21,000	22,360	19,450	(14.0)	154	24/07/2025
114	CFPT2402	3.9723 : 1	6,300	7,110	FPT	134,064	162,625	140,700	(12.2)	154	24/07/2025
115	CMBB2501	2.6066 : 1	1,700	1,400	MBB	20,852	24,501	23,000	(6.7)	154	24/07/2025
116	CACB2501	3.0000 : 1	1,800	1,160	ACB	24,500	27,980	26,150	(7.2)	154	24/07/2025
117	CMBB2405	3.4754 : 1	1,100	650	MBB	22,590	24,884	23,000	(8.1)	154	24/07/2025
118	CMWG2406	4.0000 : 1	3,100	1,080	MWG	66,000	70,240	57,800	(19.4)	154	24/07/2025
119	CSTB2409	4.0000 : 1	1,600	1,380	STB	36,000	42,040	39,350	(7.5)	154	24/07/2025
120	CFPT2501	10.0000 : 1	2,500	810	FPT	160,000	167,600	140,700	(14.8)	154	24/07/2025
121	CVIB2406	4.0000 : 1	1,000	740	VIB	19,000	22,200	20,950	(7.2)	154	24/07/2025
122	CVIC2405	4.0000 : 1	2,100	970	VIC	43,000	46,640	40,450	(13.1)	154	24/07/2025
123	CVRE2406	4.0000 : 1	1,000	320	VRE	19,000	20,280	17,250	(15.3)	154	24/07/2025
124	CHPG2410	4.0000 : 1	1,300	900	HPG	28,000	32,400	27,800	(17.4)	171	12/08/2025
125	CVRE2408	3.0000 : 1	1,100	690	VRE	20,000	22,070	17,250	(22.2)	171	12/08/2025
126	CFPT2405	9.9307 : 1	2,900	2,980	FPT	134,064	162,565	140,700	(12.2)	171	12/08/2025
127	CVPB2410	3.0000 : 1	1,200	930	VPB	21,000	23,760	19,450	(19.1)	171	12/08/2025
128	CTCB2404	5.0000 : 1	1,000	1,180	TCB	25,000	30,900	26,500	(14.9)	171	12/08/2025
129	CVHM2409	5.0000 : 1	1,500	1,050	VHM	42,000	47,250	40,150	(15.8)	171	12/08/2025
130	CSTB2502	3.0000 : 1	2,800	2,530	STB	35,500	43,090	39,350	(9.8)	214	24/09/2025
131	CHPG2502	3.0000 : 1	2,000	1,080	HPG	27,500	31,400	27,800	(14.7)	214	24/09/2025
132	CSTB2505	3.0000 : 1	1,990	2,110	STB	40,000	46,330	39,350	(16.1)	227	07/10/2025
133	CMWG2505	6.0000 : 1	1,720	1,540	MWG	61,000	70,000	57,800	(19.2)	227	07/10/2025
134	CACB2505	3.0000 : 1	1,470	1,560	ACB	26,300	30,980	26,150	(16.2)	227	07/10/2025
135	CVNM2504	6.0000 : 1	1,640	1,430	VNM	65,000	73,340	62,000	(16.8)	227	07/10/2025
136	CVRE2503	2.0000 : 1	1,600	1,230	VRE	18,000	20,440	17,250	(15.9)	245	23/10/2025
137	CVPB2501	2.0000 : 1	1,600	1,350	VPB	20,000	22,700	19,450	(15.3)	245	23/10/2025
138	CVHM2502	5.0000 : 1	1,300	920	VHM	45,000	49,500	40,150	(19.6)	245	23/10/2025
139	CHPG2504	2.0000 : 1	2,200	1,600	HPG	29,000	33,000	27,800	(18.9)	245	23/10/2025
140	CSTB2504	2.0000 : 1	2,700	3,050	STB	38,000	44,540	39,350	(12.7)	245	23/10/2025
141	CMWG2503	5.0000 : 1	2,400	1,520	MWG	63,000	70,500	57,800	(19.7)	245	23/10/2025

142	CTCB2503	2.0000 : 1	2,000	2,120	TCB	26,000	30,200	26,500	(12.9)	245	23/10/2025
143	CVIC2502	5.0000 : 1	1,300	960	VIC	45,000	49,650	40,450	(18.4)	245	23/10/2025
144	CMSN2503	5.0000 : 1	2,600	1,660	MSN	75,000	83,050	67,400	(18.8)	245	23/10/2025
145	CMBB2503	1.7377 : 1	1,900	2,030	MBB	22,590	26,170	23,000	(12.6)	245	23/10/2025
146	CFPT2502	10.0000 : 1	2,400	1,200	FPT	170,000	181,300	140,700	(21.3)	245	23/10/2025
147	CHPG2406	4.0000 : 1	1,300	910	HPG	28,000	32,480	27,800	(17.6)	246	24/10/2025
148	CMWG2407	6.0000 : 1	2,200	630	MWG	70,000	73,660	57,800	(23.2)	253	31/10/2025
149	CVIB2407	2.0000 : 1	2,400	2,150	VIB	18,000	22,500	20,950	(8.4)	253	31/10/2025
150	CVHM2408	4.0000 : 1	2,600	1,640	VHM	38,000	44,320	40,150	(10.2)	253	31/10/2025
151	CTCB2403	5.0000 : 1	1,200	890	TCB	26,000	30,350	26,500	(13.3)	253	31/10/2025
152	CHPG2409	3.0000 : 1	2,300	1,360	HPG	25,000	29,950	27,800	(10.6)	253	31/10/2025
153	CMSN2406	6.0000 : 1	2,700	770	MSN	79,000	83,440	67,400	(19.2)	253	31/10/2025
154	CSTB2410	3.0000 : 1	2,200	1,660	STB	38,000	43,460	39,350	(10.6)	253	31/10/2025
155	CVNM2407	5.9534 : 1	2,500	600	VNM	67,472	71,282	62,000	(14.4)	253	31/10/2025
156	CVPB2409	2.0000 : 1	1,800	770	VPB	22,000	23,580	19,450	(18.5)	253	31/10/2025
157	CVRE2407	2.0000 : 1	2,500	1,530	VRE	16,000	19,060	17,250	(9.9)	253	31/10/2025
158	CMBB2407	1.7377 : 1	2,600	1,460	MBB	22,590	25,075	23,000	(8.8)	253	31/10/2025
159	CFPT2404	14.8960 : 1	2,600	3,150	FPT	120,161	166,934	140,700	(14.5)	253	31/10/2025
160	CTCB2504	6.0000 : 1	1,100	1,300	TCB	24,500	32,240	26,500	(18.4)	319	07/01/2026
161	CHPG2506	4.0000 : 1	1,220	1,160	HPG	27,800	33,280	27,800	(19.6)	319	07/01/2026
162	CACB2502	2.0000 : 1	2,500	2,170	ACB	28,000	32,240	26,150	(19.4)	395	24/03/2026
163	CMWG2504	5.0000 : 1	2,900	1,910	MWG	66,000	75,500	57,800	(25.1)	395	24/03/2026
164	CVNM2503	4.9612 : 1	2,600	1,810	VNM	68,464	77,692	62,000	(21.4)	395	24/03/2026
165	CMBB2504	1.7377 : 1	2,300	2,570	MBB	23,459	27,977	23,000	(18.3)	395	24/03/2026
166	CHPG2505	2.0000 : 1	2,600	2,210	HPG	30,000	35,260	27,800	(24.1)	395	24/03/2026
167	CFPT2503	10.0000 : 1	2,800	1,600	FPT	180,000	195,300	140,700	(26.9)	395	24/03/2026
168	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	1,420	VHM	42,000	51,800	40,150	(23.2)	409	07/04/2026
169	CMBB2505	3.0000 : 1	1,540	1,730	MBB	22,800	27,990	23,000	(18.3)	409	07/04/2026
170	CVPB2504	3.0000 : 1	1,460	1,480	VPB	20,000	24,380	19,450	(21.2)	409	07/04/2026

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, KIS

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..